

Số: 454/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 26 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 404/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị PTL**, sinh ngày 20/11/1974; CCCD số: 025***478 Do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2023; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9 cụm ĐG, phường V, Thành phố H.

- *Bị đơn:* **Anh HVT**, sinh ngày 25/01/1970; CCCD số: 001***059 Do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/11/2021; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9 cụm ĐG, phường V, Thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 18 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 18 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị PTL, sinh năm 1974 và anh HVT, sinh năm 1970.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị PTL và anh HVT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị L và chị T cùng xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị PTL chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0014504 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả chị L 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự Thành phố H
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND phường V (GCNKH số 108 ngày 24/10/2023 của UBND P. ĐG, Long Biên cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc